

*wandering fairy and landscape made vague fairyland became closer things, by fairy – persons country became mysterious and sparkling. The era atmosphere and “Taoist hermit choose charming landscape to drill” conception of Taoism was a directed reasons bring about outstanding appearance of this orientation.*

**Keywords:** *Wandering fairy`s poetry, fairization.*

## HÀNH TRÌNH ĐỔI MỚI VĂN XUÔI SAU 1975 CỦA NGUYỄN MINH CHÂU

Hóa Diệu Thúy<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

*Hành trình "mở đường" đổi mới văn xuôi nói riêng, góp phần đổi mới văn học Việt Nam sau 1975 nói chung của Nguyễn Minh Châu diễn ra như thế nào? Bài viết góp phần kiến giải qua ba chặng nội dung: Truyện ngắn Bức tranh, đột phá ấn tượng về một lối viết khác; Những thể nghiệm tâm huyết cuối thập kỷ 70, đầu thập kỷ 80 và Những sáng tác mang tính bước ngoặt.*

**Từ khóa:** *Nguyễn Minh Châu, mở đường, bước ngoặt.*

Khi Nguyễn Minh Châu nằm xuống, đồng nghiệp bộc lộ sự ngưỡng mộ trước một văn tài. Ý kiến "Nguyễn Minh Châu là người mở đường tinh anh và tài năng" của văn học thời kỳ đổi mới dường như được coi là nhận xét mang tính xác quyết. Song, hành trình Nguyễn Minh Châu "mở đường" đổi mới văn xuôi nói riêng, góp phần đổi mới văn học Việt Nam sau 1975 nói chung, như thế nào, đến nay vẫn chưa có kiến giải tường minh.

---

<sup>1</sup> PGS. TS. Giảng viên Khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức Thanh Hóa.

## 1. Truyện ngắn “Bức tranh”, đột phá ấn tượng về một lối viết khác

Truyện ngắn *Bức tranh* ra mắt độc giả năm 1982, song, truyện ngắn này đã được “lên khuôn” để chuẩn bị ra mắt từ năm 1976 dưới cái tên “*Cái mặt*”. Không hiểu vì lý do gì, nó bị gỡ xuống và phải đợi tới sáu năm sau mới khai sinh dưới cái tên mới: *Bức tranh*. Nếu tính thời gian ra mắt, *Bức tranh* khó được tính vai trò văn học sử, nhưng dưới tên *Cái mặt* thì truyện ngắn này đã là một sinh thể nghệ thuật, nó đã ra đời mà chưa được cấp giấy “chứng sinh”, vì vậy, mặc dầu mãi tới năm 1982 xuất hiện với cái tên mới, nhưng, trong trí nhớ của nhiều người, truyện ngắn *Bức tranh* vẫn được ghi nhận là tác phẩm viết sớm nhất của Nguyễn Minh Châu sau 1975, hơn thế, là dấu mốc bộc lộ sự chuyển đổi bút pháp của tác giả, đã có ý kiến cho rằng, *Cái mặt* đã xuất quá sớm khi “thời đại” chưa sẵn sàng tiếp nhận.

Cho đến tận năm 1982, thời điểm *Bức tranh* xuất hiện, người ta vẫn thấy tính mới lạ và táo bạo trong cách tiếp cận và tái hiện thực tiễn của truyện ngắn này. Hãy bắt đầu với quan niệm về điểm nhìn và định hướng tiếp cận hiện thực của tác giả trong những câu văn mở đầu tác phẩm: “Tôi viết truyện này ra đây là viết cho tôi, cho một bức tranh tôi vừa vẽ xong. Thứ nữa, tôi viết cho một người thứ hai. Viết cho tôi hay cho một người thứ hai, một người thợ cắt tóc, thì những điều tôi sắp viết ra đây cũng chỉ là những điều tự thú”<sup>2</sup>. “Viết cho tôi” lại viết ra với nhu cầu “tự thú” là những khái niệm gây bất ngờ với không khí văn chương viết để cổ vũ, để ngợi ca, một định hướng văn chương nghệ thuật suốt ba mươi năm chiến tranh và vẫn chưa thay đổi trong những năm đầu thời hậu chiến. “Viết cho tôi” là điểm nhìn cá nhân - cá thể, “tôi” cũng là đối tượng độc giả duy nhất xác định. Đặc biệt, nhu cầu “tự thú” hé mở hiện thực bấy lâu được che dấu bấy giờ mới được phơi bày, bí mật sau tấm màn được vén lên. Đó là câu chuyện về một họa sỹ chiến trường “có tên tuổi”, rất đáng kính (có tác phẩm nổi tiếng trong nước và cả nước ngoài) hóa ra là một kẻ tầm thường, ích kỷ, giả dối (nếu không có tình huống ngẫu nhiên bắt gặp lại anh chiến sỹ trước đây, giờ là người thợ cắt tóc) thì sự thật mãi bị chôn vùi. Ông ta sẽ mãi là một “tấm gương” của lớp nghệ sỹ - chiến sỹ tài năng của một thời cách mạng. Hóa ra, bức vẽ chân dung anh chiến sỹ giải phóng, bức tranh đã trở thành “cái đỉnh” trong sự nghiệp sáng tạo của họa sỹ lại không nằm trong ý đồ làm nghệ thuật của ông ta. Bức vẽ chân dung với ý định “truyền thần” thay cho bức ảnh chụp nhằm mục đích để cho người mẹ anh chiến sỹ nhìn thấy con trai và yên tâm con mình còn sống, một hành động mà họa sỹ nhằm “trả ơn” anh chiến sỹ đã thò tranh giúp mình và cả ơn cứu mạng khi ông ta suýt bị nước cuốn trôi. Nhưng họa sỹ đã nuốt lời khi những người sành sỏi trong nghề đánh giá cao bức ký họa và “tôi lơ quên cái người mẹ đang ôm ấp mỗi đau khổ vì ngộ nhận con trai đã hi sinh”, cũng quên luôn lời hứa “sẽ mang tận tay” thư và “bức ảnh” đến cho người mẹ của anh chiến sỹ. Sự ngụy biện còn tìm tới bình phong là những nguyên tắc đạo đức và lý tưởng sống của một thời: “công

<sup>2</sup> Nguyễn Minh Châu, *Tuyển tập truyện ngắn*, NXB. Văn học, 1999, tr. 374.

việc người nghệ sỹ là phục vụ một số đông người, chứ không phải chỉ phục vụ một người (...) anh hãy chịu để cho tôi quên đi, để phục vụ cho cái đích lớn lao hơn...”. Như vậy, với đối tượng phản ánh này, Nguyễn Minh Châu dường như đang giã từ lối viết “vẽ mây, vờn trăng” mà hướng tới cách tiếp cận và tái hiện cuộc sống xù xì, góc cạnh như nó vốn có. Điều đó còn được minh chứng bằng những chi tiết có liên quan hoặc gợi nhiều ý nghĩa khiến cho chủ đề của truyện không “khép” mà mở ra khá phong phú. Tính đa chủ đề sẽ trở thành một đặc điểm rất nổi bật trong những truyện ngắn sau này của Nguyễn Minh Châu. Ở truyện *Bức tranh*, có thể kể “sơ” một số chủ đề sau: chủ đề về sự sám hối; chủ đề về sự thức tỉnh; chủ đề về nghệ thuật chân chính; chủ đề về xây dựng quan niệm, giá trị đạo đức mới v.v... Ngoài ra, còn có thể “luận” về một số vấn đề khác, như: luật nhân - quả, luật công bằng, yếu tố ngẫu nhiên trong quy luật v.v... Để thể hiện nội dung nhiều tầng bậc, *Bức tranh* tìm tới cách biểu hiện giàu sắc thái biểu trưng. Ngay nhan đề của thiên truyện là “*Bức tranh*” hay “*Cái mặt*” đều mang tính biểu tượng đa nghĩa. Các chi tiết, hình tượng, thậm chí nhân vật, nghề nghiệp của nhân vật cũng mang tính biểu tượng. Có lẽ vì vậy mà nhiều ý kiến cho rằng *Bức tranh* mang tính luận đề rất rõ nét. Truyện “luận đề”, cách gọi những tác phẩm thiên về tái hiện, khái quát, tính giả thiết, tính luận bàn tạo nên độ “mở” hoặc nói theo ngôn ngữ hậu hiện đại là tính “liên văn bản” cho thiên truyện. Đối tượng hiện thực trong tác phẩm, vì vậy, không đơn giản mà phức hợp, phức điệu, đó là đối tượng nhận thức chứ không phải đối tượng để tụng ca hay phủ nhận một chiều.

Như vậy, *Bức tranh* hầu như đã thoát ly với phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa, “phương pháp sáng tác tốt nhất” một thời, chi phối nền văn học Việt Nam suốt ba mươi năm (từ 1945 đến 1975). Từ việc say mê xây dựng hình tượng con người lý tưởng, với màu sắc chủ quan đến việc tái hiện hình tượng con người “tự thú” về những sai lầm, lỗi lầm với ý thức khách quan, biện chứng, Nguyễn Minh Châu đã chuyển từ địa hạt văn chương “tuyên truyền” gắn với mục tiêu, định hướng chính trị sang văn chương hướng tới khẳng định nhu cầu về quyền sống và những giá trị sống của con người, những giá trị nhân bản muôn đời. Với vị trí của *Bức tranh*, Nguyễn Minh Châu đã đi trước đồng nghiệp trong sự chuyển hướng lối viết.

## 2. Thập kỷ 80 của thế kỷ trước là thập kỷ của cây bút Nguyễn Minh Châu

*Những thể nghiệm tâm huyết*: những sáng tác vào những năm cuối của thập kỷ 70, đầu thập kỷ 80 của Nguyễn Minh Châu là những “thể nghiệm” cho hướng viết mới mà tác giả từng ấp ủ tâm huyết. Trong sổ tay viết văn năm 1971, tác giả đã trần trụi: “Quả thật những trang viết về chiến tranh của chúng ta thiếu một cái gì thực là giáp mặt với kẻ thù, với cuộc sống, chúng ta vẫn còn thiếu một cái gì vừa cật lực, vừa trí tuệ”. Sớm hơn nữa, từ cuối những năm sáu mươi, trong quá trình viết *Dấu chân người lính*, ông đã ghi trong nhật ký: “Trong cuộc chiến đấu để giành lại đất nước với kẻ thù bên ngoài hai mươi năm nay, ta rèn cho dân tộc bao nhiêu đức tính tốt đẹp như lòng dũng cảm, sự xả thân vì sự nghiệp của

tổ quốc. Nhưng bên cạnh đó, hai mươi năm nay ta không có thì giờ để nhìn ta một cách thật kỹ lưỡng. Phải chăng bên cạnh những đức tính tốt đẹp thì tính cơ hội, nịnh nọt, tham lam, ích kỷ, phản trắc, vụ lợi, còn được ẩn kín và đã có lúc ngấm ngầm phát triển đến mức gần như lộ liễu? Bây giờ ta phải chiến đấu cho quyền sống còn của dân tộc. Sau này, ta phải chiến đấu cho quyền sống của từng con người, làm sao cho con người ngày càng tốt đẹp. Chính cuộc chiến đấu ấy mới lâu dài”.

Đó không chỉ là năng lực nhạy cảm, mà là tầm tư duy triết học. Hai tiếng “Con người” viết hoa đã từng vang lên, là lời hiệu triệu để phương Tây bước vào thời đại Phục Hưng thoát khỏi đêm trường trung cổ. Con người, luôn là cái đích cho mọi cách tân, sáng tạo. Cây bút bước ra từ hai cuộc chiến tranh thấm thía sâu sắc quyền sống của một dân tộc và quyền sống của mỗi người. Cây bút ấy tự xác định trọng trách thiêng liêng: “Văn học và đời sống là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm của nó là con người”<sup>3</sup>. Đó là lý do, trước đây, vận mệnh dân tộc thiêng liêng, ông toàn tâm toàn ý phục tùng sứ mệnh cao cả với khát vọng lãng mạn, và giờ đây khi đất nước đã “yên hàn” thì những vấn đề liên quan đến “Con người”, sớm được ông đặt ra ngay sau khi đất nước vừa im tiếng súng. Trường hợp truyện ngắn *Cái mặt* đề cập ở trên là minh chứng cho một thái độ trách nhiệm đó.

Năm 1977, Nguyễn Minh Châu cho ra mắt liền hai tiểu thuyết *Miền cháy* và *Lửa từ những ngôi nhà*. Có lẽ “rút kinh nghiệm” từ *Cái mặt*, cách đặt vấn đề của hai tiểu thuyết này có vẻ “chùng mực” hơn, nghĩa là sự thay đổi không quá đột ngột, cảm hứng “ngợi ca” vẫn là âm hưởng chính, ngợi ca đức hi sinh, sự cao thượng của người chiến thắng. Tuy nhiên, bên cạnh chủ đề ấy, cả hai tác phẩm đều đặt ra những vấn đề khá “nhạy cảm” khi ấy, đó là hiện thực cuộc sống không gian thời hậu chiến. Ở *Miền cháy* là cách xử lý mối quan hệ giữa những con người đã từng đối lập trong hai chiến tuyến. Bên thắng trận sẽ đối xử như thế nào với bên thua trận, với kẻ đã gây ra những tổn thất đau đớn cho chính mình. Tiểu thuyết *Lửa từ những ngôi nhà* “thai nghén” suốt bảy năm, nghĩa là nếu tính năm tác phẩm xuất hiện, nó đã được khởi thảo từ năm đầu của thập kỷ 70. Không gian của tác phẩm vẫn gắn bó với bối cảnh thời chiến nhưng đã được nối dài với không gian thời hậu chiến. Đặc biệt, “nhân vật chính” của không gian ấy vẫn là những người anh hùng một thuở, họ đi ra từ lửa chiến tranh để trở về với “Lửa trong những ngôi nhà”. Mặc dù ngọn lửa gia đình, ngọn lửa tình cảm của hậu phương vẫn reo vui “dưới mỗi mái nhà, trong bếp núc của mỗi căn gác xinh nhỏ và ấm cúng”, nhưng những anh hùng chỉ quen cầm súng, quen tư duy và hành động như đường thẳng của viên đạn bắn ra khỏi nòng thấy lúng túng và có phần “lạ lẫm” trước cuộc sống với những lo toan đời thường. Nguyễn Minh Châu từng tâm sự: “Cái tập mới này của tôi - *Lửa từ những ngôi nhà* - sẽ viết về những chuyện vợ vẫn trong chiến tranh, sẽ làm cho người ta cảm thấy chiến tranh len vào khắp mọi chuyện, khắp mọi con người. Chiến tranh là cả một vấn đề xã hội chứ không phải chỉ là công việc của mấy ông lính”. Biết đâu, hình ảnh những Huy, Phụng, Tuy... trong *Lửa từ*

<sup>3</sup> Dẫn theo Nguyễn Văn Long, Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên GVTHPT môn Ngữ văn, NXBĐHSP, 2005, tr. 184.

*những ngôi nhà* đã gợi ý cho những cây bút lớp sau xây dựng hình tượng kiểu nhân vật người lính - những anh hùng của một thời lạc lõng, cô đơn giữa đời thường, kiểu tướng Thuần trong *Tướng về hưu* của Nguyễn Huy Thiệp; Bảo trong *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh; Giang Minh Sài trong *Thời xa vắng* của Lê Lưu v.v...

Đầu thập kỷ 80 là tiểu thuyết *Những người đi từ trong rừng ra* (1982) và tập truyện ngắn *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* (1983). *Những người đi từ trong rừng ra* tiếp tục triển khai vấn đề còn khá nan giải khi ấy, bài toán “chỗ đứng”, vị trí xã hội, công ăn việc làm cho những người chiến thắng trở về. Những người từng đứng chót vót trên đỉnh cao của chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng giờ đây bỗng giật mình nhận ra: “Trong đời mình chưa hề làm một nghề gì, chưa bao giờ tự đi làm nuôi thân, chưa bao giờ mình sống bằng một thứ nghề nghiệp gì trong tay”. “Mấy chục năm đánh giặc”. Lớp trẻ hết lớp này đến lớp khác “lớn lên đã vào bộ đội, vừa rời ghế nhà trường đã học cách cầm súng để đánh giặc cứu nước”<sup>4</sup>. Đây là thách thức với tư duy duy ý chí, liệu người anh hùng trong trận mạc sẽ xoay xỏa như thế nào trong làm ăn kinh tế? giành được chiến thắng rồi, làm gì để có cuộc sống ấm no, hạnh phúc?

Nhìn chung, ba tiểu thuyết viết vào những năm cuối của thập kỷ 70, đầu thập kỷ 80 của Nguyễn Minh Châu cho thấy sự chuyển hướng khá quyết liệt trong tiếp cận hiện thực của tác giả. Hầu như không ngưng nghỉ, cây bút ấy lại mãi miết trên hành trình sáng tạo mà giờ đây là mục tiêu chiến đấu cho quyền sống mỗi con người, vì những giá trị nhân bản muôn đời.

*Những sáng tác mang tính bước ngoặt*: Tuy nhiên, phải đến loạt các tập truyện ngắn và truyện vừa ra mắt: *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, *Chiếc thuyền ngoài xa*, *Cỏ lau*, người đọc mới thấy rõ sự hiện diện của một lối viết mới. Ở đó, không chỉ hiện thực được tiếp cận và tái hiện ngày càng biện chứng và khách quan, đối mới đáng kể nhất tạo nên đột phá trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu là quan niệm nghệ thuật về con người. Chính đối mới này sẽ tác động/quy định phương thức thể hiện. Mọi biện pháp, thủ pháp giống như tấm áo, nó sẽ được lựa chọn thích hợp cho đối tượng mà nó mặc vào. Những sáng tạo bậc thầy biết cách lựa chọn và sáng tạo nên những “tấm áo” thích hợp cho sản phẩm tư tưởng của mình. Từ quan điểm “tôi muốn đi tìm hạt ngọc ẩn dấu trong tâm hồn con người Việt Nam những năm đánh Mỹ”, giờ đây là vấn đề “chiến đấu cho quyền sống của mỗi con người”, Nguyễn Minh Châu đã đi từ quan niệm “kiếm tìm” không tránh khỏi thiên kiến chủ quan đến nhận thức “con người vốn đa đoan”, là một “tiểu vũ trụ” trong xây dựng và tái hiện hình tượng. Nhân vật của Nguyễn Minh Châu dường như không còn nằm trong khuôn khổ của những nguyên tắc thẩm mỹ quen thuộc, càng rất khó hoặc không thể sử dụng thi pháp của nguyên tắc thẩm mỹ “hiện thực xã hội chủ nghĩa” để giải mã, dẫu, ít nhiều nhân vật vẫn được tái hiện qua lăng kính tình yêu hoặc niềm tin, chủ kiến dường như đã trở thành bất di bất dịch trong tư tưởng, tâm hồn người nghệ sỹ đã dành trọn trái tim cho đất nước và dân tộc mình. Nhưng, giờ đây nhân vật đã không còn diện mạo hoàn thiện

<sup>4</sup> *Những người đi từ trong rừng ra*, tr 75-76.

hoàn mỹ như trước, thậm chí rất khó nhận xét ưu - khuyết, tốt - xấu, hay - dở... khi định giá tính cách - phẩm giá nhân vật. Bởi, trong những tình huống, hoàn cảnh khác nhau nhiều khi ưu điểm lại hóa nhược điểm hoặc ngược lại. Chẳng hạn, nét tính cách lãng mạn của cô Quỳnh (*Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*) đem lại vẻ trẻ trung, nữ tính, quyến rũ, song, nó từng gây ra cho cô sai lầm khiến cô ân hận suốt đời (trong quan hệ tình yêu với Toàn). Hết chiến tranh, trở lại với cuộc sống đời thường, nét tính cách đó dường như cũng khiến cô khó khăn trong tiếp cận với cuộc sống đầy bất trắc (cuộc hôn nhân với Ph). Có thể nói, với tính cách lãng mạn, Quỳnh đã hai lần “mộng du”, “mộng du” là trạng thái ảo giác, thời ở Trường Sơn, cô gái mới rời ghế nhà trường bước vào môi trường chiến tranh ác liệt, “công chúa của Trường Sơn” “mộng du” đi tìm kiếm sự nhất thể cái “Hùng” với cái “Đẹp”, cái “Cao cả”. Chiến tranh đi qua, bị ném trả lại cuộc sống đời thường, cô lại “mộng du” giữa đời thực khắc nghiệt và phồn tạp. Dường như, Quỳnh thể hiện trạng thái “mộng du” của chính Nguyễn Minh Châu một thời, khi ông tìm cách lý tưởng hóa, cũng là đơn giản hóa sự phức tạp của cuộc sống. Càng ngày, nhà văn dường như càng nhận ra: con người là sản phẩm của lý trí, của sự rèn luyện ý chí, nhưng con người trước hết là sản phẩm của tạo hóa. Nhiều khi tính cách/bản tính “trời sinh” còn “mạnh” hơn sự rèn luyện/chi phối của lý trí. Có lúc, rất khó nhận biết nhân vật hành động - suy nghĩ theo bản năng hay lý trí. Sự kết hợp hay hòa trộn này khiến nhân vật của Nguyễn Minh Châu trở nên bí ẩn một cách huyền diệu đến không ngờ, nó khiến nhân vật của Nguyễn Minh Châu hiện ra thật mới mẻ và táo bạo trong thời điểm thập kỷ 80. Để hiểu tại sao không ít độc giả, kể cả giới sáng tác từng ngỡ ngàng: “...khi lướt một vòng nhận mặt lại những nhân vật truyện ấy thấy dường như có những con người lạ lắm quá”. Hai nhân vật: người đàn bà hàng chài trong truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* và lão Khùng trong thiên truyện liên hoàn *Khách ở quê ra* và *Phiên chợ Giát* có thể coi là những minh chứng tiêu biểu cho sự đổi mới trong quan niệm nghệ thuật về con người của Nguyễn Minh Châu.

Người đàn bà ấy có nét đặc trưng của đàn bà vùng biển ở ngoại hình: “cao lớn với những đường nét thô kệch”, tuy “mụ” cũng có nét riêng là “rỗ mặt”. Song, Nguyễn Minh Châu không có ý định dùng ngoại hình để mách bảo tính cách, sự mách bảo, nếu có, rằng, đây là người đàn bà lao động vùng biển rất bình thường chẳng có gì đáng để ý, chị ta có thể hòa lẫn vào số đông nếu tác giả không tình cờ chứng kiến tình huống không thể tin nổi: Sau mỗi cuộc ra khơi trở về, cặp vợ chồng lại im lặng làm lũi, vợ đi trước, chồng đi sau tiến sâu vào bãi xe tăng hỏng, khi đã khuất không còn ai trông thấy, lão chồng “lập tức trở nên hùng hổ, mặt đỏ gay, lão rút chiếc thắt lưng của lính ngự ngày xưa, chẳng nói chẳng rằng trút con giận như lửa cháy bằng cách dùng chiếc thắt lưng quật tới tấp vào lưng người đàn bà”. Lão vừa quát vừa nguyên rủa “Mày chết đi cho ông nhờ. Chúng mày chết đi cho ông nhờ”. Ngược lại với con giận dữ của chồng, người đàn bà “với một vẻ cam chịu đầy nhẫn nhục, không hề kêu một tiếng, không chống trả, cũng không tìm cách trốn chạy”. Đáng ngạc nhiên hơn, đây không phải là trận đòn duy nhất mà cứ “ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng”. Lão đánh vợ nhiều đến mức thằng con trai mới hơn mười tuổi của lão đã có ý định trả thù vì đã đánh mẹ nó(!). Khi sự việc bị phát giác, tòa án cho gọi

với ý đồ sẽ ủng hộ nếu chị ta có ý định bỏ lão chồng vũ phu. Thật kỳ lạ, người đàn bà thất học, xấu xí, sợ sệt lần đầu đến một nơi công sở lại khiến cho cả chánh án - người cầm cân công lý lẫn nghệ sỹ, đồng thời là ân nhân “vỡ” ra nhiều điều. Chị ta không những không có ý định bỏ mà còn bảo vệ cho lão, nhận “lỗi” về mình và “nói tốt” cho gã chồng vũ phu kia: “Lão chồng tôi khi ấy là một anh con trai cục tính nhưng hiền lành lắm...”, “...giá tôi đẻ ít, hoặc chúng tôi sắm được một chiếc thuyền rộng hơn...”, “đám đàn bà hàng thuyền chúng tôi cần phải có một người đàn ông để chèo chống khi phong ba, để cùng làm ăn nuôi nấng đặng một sắp con”, “bất kể lúc nào thấy khổ quá là lão xách tôi ra đánh”... Hóa ra, đây không chỉ là bi kịch số phận mà là bi kịch cuộc sống. Để giải quyết bi kịch ấy cần sự vào cuộc của cả xã hội và chính quyền. Với người đàn bà hàng chài, trong sự cúi đầu nhẫn nhục kia, thấy lấp lánh vẻ đẹp nhân từ, nhân hậu, sự hi sinh vô bờ bến của lòng mẹ; sự độ lượng, vị tha của một trái tim rộng lượng, một tấm chân tình thủy chung. Đây là người đàn bà của vẻ đẹp mẫu tính, của chức năng thiên tính. Và đó là thiên tính sáng suốt, vì vậy, nó có khả năng cứu rỗi, khả năng khai sáng, thức tỉnh. Hình như vẫn say mê đi tìm cái đẹp, nhưng cái đẹp và cả hạn chế của con người mà tác giả phát hiện, giờ đây thiên về bản năng thiên phú, chức năng giới tính. Theo Nguyễn Minh Châu, dường như đó mới là căn cốt của nhân loại, mọi nghiên cứu, tìm hiểu nên/cần bắt đầu từ đây.

Đến thiên truyện liên hoàn *Khách ở quê ra* và *Phiên chợ Giát*, qua nhân vật lão Khúng và cả một vài nhân vật phụ nữa, ngòi bút của Nguyễn Minh Châu thực sự đạt đến độ “chín” về thi pháp. Tác giả tiếp tục hướng đến mô típ nhân vật là sản phẩm của sự kết hợp/ hòa trộn giữa bản năng thiên tính và hoàn cảnh sống tác động mà thành. Có ý kiến cho rằng, lão Khúng “thuộc loại nông dân cổ sơ ở thâm sơn cùng cốc”<sup>5</sup>. Chúng tôi không nghĩ như thế, lão Khúng không thuần túy là nông dân, gốc gác của lão là ngư phủ, lão vốn dân “kẻ biển”, vì máy bay Mĩ “vít mất lối ra chỗ có con cá” nên lão và bà con phải dời làng lên vùng đồi khai hoang chống đói. Lão Khúng là hiện thân của con người Việt Nam, một dân tộc rất giỏi ứng phó trước môi trường/ hoàn cảnh sống nhiều đột biến, bất ngờ. Sự thích nghi đó mang tính hai mặt: chịu đựng dẻo dai, gan góc và kiên cường sống nhưng cũng sẽ rất bảo thủ, tự mãn và gia trưởng. Mặt trái này xuất phát từ chính nét ưu việt kia, khả năng chống chịu và sống sót khiến người ta dễ tự đắc và chỉ tin vào chính mình. Lão Khúng là con người của thì hiện tại, là công dân dưới thời cách mạng. Như mọi người dân Việt Nam khác, gia đình lão, bản thân lão từng trải qua mọi thăng trầm của đất nước, dân tộc giai đoạn hiện tại. Lão biết mò ra tận Hà Nội để sắm công cụ lao động, từng tham gia đại công trường của huyện, lão được ông chủ tịch huyện “mê” vì cách làm ăn, có lần đi “thực tế” về nhà lão ở một tuần để học cách làm ăn của lão... Lão Khúng khôn ngoan, thực dụng. Nguyễn Minh Châu đã “khám phá” con người Việt Nam qua hình ảnh lão Khúng. Đây mới là con người của cuộc sống đời thường đích thực, biết “điều tiết” ứng phó với mọi hoàn cảnh: là công dân có trách nhiệm và tích cực khi lão “dâng” đưa con trai đổi với lão là “một đồng cửa” mà

<sup>5</sup> Nguyễn Thanh Hùng, *Một khía cạnh của phê bình văn học dẫn từ Phiên chợ Giát của Nguyễn Minh Châu*.

bộ đội không bao giờ hiểu hết giá trị của con trai lão; cha con lão từng tham gia đại công trường của cả huyện, cái cách đặt tên con là Dũng, là Bút là Nghiên...chúng tỏ lão ôm ấp giấc mơ con cái đổi đời. Song, lão Khúng mới thật là một “cá thể” sinh động khi mỗi hành động của lão đều được tính toán với tư duy phản biện hai chiều “được - mất”, “hơn - thiệt”. Đây mới là tâm lý chung của con người, sự giác ngộ qua cuộc đấu tranh tư tưởng mới thực sự chân thành và bền vững. Vì vậy, việc tác giả tái hiện những “pha” nội tâm của lão Khúng vô cùng sinh động và sắc sảo, như chi tiết lão dùng dăng rồi quyết định làm gà trong bữa cơm đầu tiên ông chủ tịch huyện “ba cùng” như thế nào; tâm trạng đau khổ của người cha khi nhận tin con trai hi sinh ở chiến trường (trong lịch sử văn học, có lẽ lão Khúng là trường hợp duy nhất được tái hiện nỗi đau của người cha mất con); tâm trạng khi lão quyết định chia tay giải phóng cho con khoang...

Có thể nói, những nhân vật được thể hiện trong các tập truyện ra đời ở thập kỷ 80 của Nguyễn Minh Châu thể hiện nhận thức và khám phá thật sự mới mẻ trong quan điểm nghệ thuật về con người. Con người, đó là thế giới bí ẩn, nó không chỉ là sản phẩm của hoàn cảnh mà trước hết, là sản phẩm của tạo hóa, vì vậy, chứa đựng đầy yếu tố bất ngờ. Không thể lấy thiên kiến chủ quan để áp đặt/ sắp xếp suy nghĩ cho ai đó là điều không tưởng. Từ nhận thức về một thế giới lý tưởng sang nhận thức về một thế giới không tròn vẹn, con người “nhân vô thập toàn”, cho thấy nhà văn đang lần tìm và thể hiện sự tôn trọng thực tiễn khách quan.

Không phải ngẫu nhiên năm 1985, tuần báo Văn nghệ, Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức cuộc trao đổi về truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu với sự có mặt của đông đảo những sáng tác và giới nghiên cứu, phê bình<sup>6</sup>. Ông Tổng biên tập báo Văn nghệ kỳ vọng là “sẽ rất lý thú và có ý nghĩa”, bởi “Chúng tôi cho rằng những năm vừa qua, tiểu thuyết và cả truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu có nhiều thành tựu, có nhiều đóng góp đáng quý”. Trong khí văn chương khá trầm lắng của những năm “tiền đổi mới”, Nguyễn Minh Châu đã dũng cảm đột phá vào thành trì của lối viết cũ để kiến tạo lối viết khác. Lẽ đương nhiên, sự đổi mới nào chả nhận được những luồng ý kiến trái chiều. Song, Nguyễn Minh Châu dường như đã trở thành “hiện tượng” ở thập kỷ 80 của thế kỷ trước.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Minh Châu, *Tuyển tập truyện ngắn*, NXB Văn học, 1999
- [2] Nguyễn Minh Châu (1980), “*Nhà văn, đất nước và dân tộc mình*”, Văn học, (5), tr.20 - 23
- [3] Nguyễn Minh Châu, *Về tác gia và tác phẩm (Nguyễn Trọng Hoàn, giới thiệu tuyển chọn)*, NXB Giáo dục, 2007.
- [4] Nguyễn Thị Bình, *Văn xuôi Việt Nam sau 1975*, NXBĐHSP, 2012.

<sup>6</sup> Cuộc trao đổi đã được tường thuật trên hai số báo Văn nghệ 27 và 28 năm 1985.